TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH HÓA** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 24/2018/QĐST-HNGĐ	*Định Hóa, ngày 03 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 117/2017/TLST-HNGĐ 24 tháng 11 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Ma Thị C, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Xóm RN 1, xã ĐT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Hoàng Đình Đ, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Xóm RN 1, xã ĐT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Tuấn H, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Xóm P, xã BT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 60, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Ma Thị C, sinh năm: 1987 và anh Hoàng Đình Đ, sinh năm: 1980. Cùng trú tại địa chỉ: Xóm RN 1, xã ĐT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Ma Thị C và anh Hoàng Đình Đ xác định có 01 con chung là Hoàng Nhật L, sinh ngày 14/01/2014. Khi ly hôn, chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Đ do chị C tự nguyện không yêu cầu. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2.Về tài sản chung: Chị Ma Thị C và anh Hoàng Đình Đ thỏa thuận tự phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Ma Thị C, anh Hoàng Đình Đ với anh Phạm Tuấn H: Khi chị C, anh Đ ly hôn, chị Chín có trách nhiệm trả anh H số tiền nợ gốc là 74.000.000 VNĐ (bảy mươi tư triệu) và số tiền lãi là 9.800.000 VNĐ (chín triệu tám trăm nghìn đồng), tổng số tiền chị C phải trả cho anh H là 83.800.000 VNĐ (tám mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Chị Ma Thị C và anh Phạm Tuấn Hcó quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Ma Thị C tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 2.095.000 VNĐ (hai triệu không trăm chín mươi lăm nghìn) án phí dân sự có giá ngạch sung quỹ Nhà nước. Tổng số tiền án phí chị C chịu là 2.145.000 VNĐ (hai triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn). Số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0017958 ngày 24 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên được chuyển sang tiền án phí. Chị C còn phải nộp 1.845.000 VNĐ (một triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn).

Hoàn trả anh Phạm Tuấn H số tiền tạm ứng án phí là 2.095.000 VNĐ (Hai triệu không trăm chín mươi lăm nghìn) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0018004 ngày 22/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hóa (02 bản);
- Chi cục thi hành án huyện Định Hóa;
- UBND xã SP;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Hoàng Văn Kiểm